TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 156/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 03 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 202/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2026, về việc: *Ly hôn, nuôi con chung*, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lù Thị V, sinh năm 1992; nghề nghiệp: Công nhân; địa chỉ: Thôn B, xã V, tỉnh Tuyên Quang; CCCD số 00219200xxxx, Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 28/6/2021.

- Bị đơn: Anh Vàng Xuân H, sinh năm 1988; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: B, xã V, tỉnh Tuyên Quang; CCCD số 00208800xxxx, Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 02/5/2022.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lù Thị V và anh Vàng Xuân H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị V và anh Vàng Xuân H, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao anh Vàng Xuân H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung là Vàng Thị Kiều N, sinh ngày 05/12/2008; Vàng Thị N1, sinh ngày 27/8/2011 và Vàng Thị M, sinh ngày 11/8/2018 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung công nợ chung: Không đề nghị tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lù Thị V tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai số 0000945 ngày 11/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Lù Thị V số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV4 - Tuyên Quang;
- THA dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng THADS KV4 - Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Vị Xuyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Mỹ Lệ